

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2025/TLST- HNGĐ ngày 17/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; (nay là xã B, tỉnh Thanh Hoá).

Địa chỉ hiện nay: L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; (nay là xã B, tỉnh Thanh Hoá).

Địa chỉ hiện nay: Đài Loanoan; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Chinh trình bày:

- Về hôn nhân: chị T và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/8/2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh

Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2019, chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Năm 2023, chị được biết anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị T không liên lạc với anh T và không biết địa chỉ cụ thể của anh T bên Đài Loan. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2011; cháu Phạm Hà Hải Đ, sinh ngày 18/8/2015, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của cháu Phạm Thị Trà M; cháu Phạm Hà Hải Đ: Nếu bố mẹ ly hôn hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của anh T trình bày như sau: Về hôn nhân chị T, anh T kết hôn năm 2011, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại nhà bố mẹ chồng tại thôn A, xã N, huyện N. Đến năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị T, anh T có hai con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2011; cháu Phạm Hà Hải Đ, sinh ngày 18/8/2015. Hiện nay, các cháu đang ở cùng mẹ. Việc chị T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, gia đình đã thông báo cho anh T biết. Việc anh T, chị T ly hôn, gia đình bà không có ý kiến gì. Anh T đi xuất khẩu lao động bên nước Đài Loan, nhưng anh T không nói địa chỉ cụ thể mà chỉ thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua mạng xã hội. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết thông báo lại cho anh T biết.

* Ý kiến đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn có tình giấu địa chỉ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; (nay là xã B, tỉnh Thanh Hoá). Nhưng hiện nay anh T đã xuất

cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Thanh Hóa có văn bản số 751/PA08 – T1 ngày 03/4/2025 trả lời Công văn số 65/CV-TA ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: anh Phạm Văn T, sinh ngày 29/5/1990, đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do anh T không cung cấp địa chỉ, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với anh T; chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T, chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị T, anh T đã sống ly thân từ năm 2019, không quan tâm, trách nhiệm với nhau. Năm 2023, anh T đi xuất khẩu lao động sang nước Đài Loan làm ăn, không liên lạc gì với vợ con, đến nay vẫn chưa về nước. Qua đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T không có sự vun đắp từ hai phía, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2011 và Phạm Hà Hải Đ, sinh ngày 18/8/2015. Xét thấy, các con chưa đủ tuổi thành niên nên cần phải giao cho bố hoặc mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì gửi Tòa án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Hiện 02 cháu đang ở với chị T và có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần cho các con khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị T ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 12/12/2011 và Phạm Hà Hải Đ, sinh ngày 18/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000652 ngày 16/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TAND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ; ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nga